

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : BC 020 5L DIAMONT NORMAL THINNER # R2

Mã sản phẩm : 000000000050412373

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

BASF Coatings France SAS
Z.I de Breuil-Le-Sec, Rue André
Pommery
60480 Breuil-Le-Sec
France

Liên lạc khẩn cấp

Điện thoại: +358 9 615-981
Địa chỉ mail: product-safety-coatings@basf.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : 18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
+49 180 2273-112

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Phun
Dung môi pha

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 3

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 3

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 2A

Tác nhân gây ung thư : Cấp 2

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ hô hấp, Hệ thần kinh trung ương)

BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

Độc tính đến cơ quan cụ thể : Cấp 2 (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương, Hệ thính giác)
sau phơi nhiễm lặp lại

Nguy hại cấp tính đối với môi : Cấp 3
trường thủy sinh

Nguy hại mãn tính đối với môi : Cấp 3
trường thủy sinh

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H316 Gây kích ứng da nhẹ.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương, Hệ thính giác) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P260 Không hít hơi sương hoặc hơi.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản 2.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73 Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.

P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P337 + P313 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất
Bản chất hóa học : dung môi hữu cơ

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
n-Butyl acetate	123-86-4	>= 60 -< 70
Solvent naphtha (petroleum), light arom.	64742-95-6	>= 10 -< 13

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản
2.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2025/03/03

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
0000000000504123
73

Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24

xylene	1330-20-7	>= 7 -< 10
4-methylpentan-2-one	108-10-1	>= 5 -< 7
Propanoic acid, 3-ethoxy-, ethyl ester	763-69-9	>= 5 -< 7
ethylbenzene	100-41-4	>= 1.5 -< 2.5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung

:
Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ.
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.
Trong trường hợp nhiễm độc, hãy gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị, lấy bao bì hoặc nhãn của sản phẩm.
Các triệu chứng ngộ độc có thể xảy ra ngay cả sau vài giờ, tiếp tục quan sát về y tế ít nhất 48 giờ sau tai nạn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Giữ ấm và để bệnh nhân nghỉ ngơi.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

:
Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Nếu thấy thở ngắn quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

:
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Ngay lập tức rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả quần áo và giày bị nhiễm.
KHÔNG dùng dung môi hay chất pha loãng.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

:
Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.
Gọi bác sĩ ngay lập tức.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

:
Gỡ bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và để làm.
Không làm nôn mửa do nguy hại đến đường hô hấp.
Tiếp tục nghỉ ngơi.
Nếu các triệu chứng tồn tại dai dẳng, gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Xúc miệng bằng nước.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

:
Gây kích ứng da nhẹ.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Có thể gây kích ứng hô hấp.
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Nghỉ ngơi gây ung thư.
Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.
Khi hít phải (vd. trong khi nôn mửa) nguy cơ phù phổi và/ hay viêm phổi.

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Sau khi bị nuốt, sản phẩm này có nguy cơ đi vào phổi khi nôn.
Không có thuốc giải độc đặc trưng.
Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Tia bụi nước Bột khô Bột chịu cồn. Carbon điôxit (CO2)
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Việc cháy sẽ tạo ra khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy độc hại (xem phần 10).
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Trong trường hợp hỏa hoạn, làm mát các thùng chứa bằng bụi nước. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Có thể yêu cầu phải có thiết bị hô hấp thích hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Tránh hít hơi. Tránh xa các nguồn phát sinh tia lửa điện. Khuyến nghị sử dụng sản phẩm an toàn xem tại phần 7 và 8 trong phiếu an toàn hóa chất Liên hệ trong trường hợp không khẩn cấp Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín.
Các cảnh báo về môi trường	: Không được để thải sản phẩm vào môi trường mà không có kiểm soát. Tránh để thấm xuống lớp đất dưới. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Ngăn chất bị tràn đổ, hút khô bằng các vật liệu hút nước không cháy (ví dụ như cát, đất, diatomit, chất khoáng) và chuyển đến một bình chứa để tiêu hủy theo các quy định của địa phương/quốc gia (xem mục 13).

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Sản phẩm có thể phóng tĩnh điện: luôn luôn sử dụng chỉ tiếp đất khi di chuyển từ thùng này sang thùng khác và các thùng chứa tiếp đất. Đề nghị các nhân viên vận hành nên trang bị áo quần và giày chống tĩnh điện. Các biện pháp chống cháy tương ứng nên được lưu ý. Sử dụng thiết bị chống cháy nổ. Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà. Các hơi này có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Trang bị hệ thống thông thoáng tốt tại khu vực làm việc (hệ thống hút thông thoáng cục bộ nếu cần thiết). Không để lại phần cặn vào các thùng chứa. Không được hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng. Để tìm hiểu về bảo vệ cá nhân xem phần 8. Tuân theo luật về sức khỏe và an toàn nơi làm việc. Khi các nhân viên vận hành, dù có bụi nước hay không, phải làm việc bên trong phòng bụi nước, có thể hệ thống thông thoáng không đầy đủ để kiểm soát các hạt và hơi dung môi trong mọi trường hợp. Trong những trường hợp này họ nên trang bị thiết bị hô hấp k Phải lắp đặt thiết bị tắm và rửa mắt khẩn cấp tại khu vực làm việc. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không hít hơi hoặc bụi sương.
Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ	: Tránh xa nguồn nhiệt Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Đóng các thùng chứa cẩn thận một khi đã mở và lưu trữ chúng thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không hút thuốc. Không được tiếp cận với những cá nhân không được phép Luôn luôn giữ trong các thùng chứa của cùng vật liệu như thùng ban đầu của nó. Tuân theo các đề phòng trong nhãn hiệu. Cất giữ không làm lạnh. Để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt.
Các chất cần tránh bảo quản chung	: Không để gần các chất oxy hóa, chất kiềm mạnh và axit mạnh để tránh các phản ứng tỏa nhiệt.
Nhiệt độ lưu giữ đề nghị	: 5 - 35 °C

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản
2.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2025/03/03

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
Dẫn an toàn:
0000000000504123
73

Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: thép cac-bon (sắt), thiếc (tẩm thiếc)

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
n-Butyl acetate	123-86-4	TWA	500 mg/m3	VN OEL
		STEL	700 mg/m3	VN OEL
		TWA	50 ppm	ACGIH
		STEL	150 ppm	ACGIH
xylene	1330-20-7	TWA	100 mg/m3	VN OEL
	Thông tin khác: Nhóm 3: Không xác định được tính gây ung thư ở người			
		STEL	300 mg/m3	VN OEL
	Thông tin khác: Nhóm 3: Không xác định được tính gây ung thư ở người			
		TWA	20 ppm	ACGIH
4-methylpentan-2-one	108-10-1	TWA	20 ppm	ACGIH
		STEL	75 ppm	ACGIH
ethylbenzene	100-41-4	TWA	20 ppm	ACGIH

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Thành phần	Số CAS	Các thông số kiểm soát	Mẫu sinh học	Thời gian lấy mẫu	Nồng độ cho phép	Cơ sở
xylene	1330-20-7	Các axit metyla hippuric	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi ngưng tiếp xúc)	1.5 g/g creatinin	ACGIH BEI
4-methylpentan-2-one	108-10-1	Methyl isobutyl ketone (MIBK)	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi ngưng tiếp xúc)	1 mg/l	ACGIH BEI
ethylbenzene	100-41-4	Tổng axit mandelic và axit phenyl glyoxylic	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi	0.15 g/g creatinin	ACGIH BEI

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

				ngưng tiếp xúc)		
--	--	--	--	--------------------	--	--

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Thiết bị hô hấp thích hợp:
Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
Trong trường hợp phơi nhiễm với dạng sương, bụi nước hoặc aerosol, mặc bộ đồ bảo hộ và các thiết bị hô hấp cá nhân thích hợp
khẩu trang nửa mặt có kết hợp lớp lọc A2P2

Bảo vệ tay

Ghi chú : Đeo găng tay bảo vệ. Bất kỳ găng tay bảo vệ hóa chất nào được chứng nhận theo EN ISO 374-1 đều thích hợp: vd. găng tay bảo hộ nitrile - độ dày vật liệu: 0,35 mm Thông tin thêm về thời gian thẩm thấu có sẵn từ nhà sản xuất găng tay. Dữ liệu are dựa trên thông tin từ nhà sản xuất găng tay, nhà sản xuất nguyên liệu hay theo các đặc trưng của các thành phần sản phẩm. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. Yêu cầu thông tin về đặc tính thẩm của găng tay từ nhà cung cấp. Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào. Đồ bảo hộ da. Các vật liệu thích hợp cho tiếp xúc ngắn hạn (khuyến cáo: ít nhất là chỉ số bảo vệ 2, tương ứng> 30 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thẩm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1): Vật liệu phù hợp chống văng bắn (khuyến nghị: ít nhất là chỉ số bảo vệ 1, tương ứng> 10 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1)

Bảo vệ mắt : Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

Bảo vệ da và cơ thể : Yêu cầu nếu có nguy cơ tiếp xúc với mắt.

Áo quần bảo hộ chống tĩnh điện
Cá nhân nên trang bị áo quần chống tĩnh điện, làm chậm cháy làm bằng sợi tự nhiên và/ hay sợi tổng hợp chịu nhiệt.

Các biện pháp bảo vệ : Không hít thở hơi/bụi nước
Nước rửa mắt và vòi sen an toàn phải có thể tiếp cận dễ dàng.
Nếu không có đủ điều kiện để duy trì nồng độ tại nơi làm việc dưới Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, phải trang bị các thiết bị hô hấp được cấp phép thích hợp.

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

Các biện pháp vệ sinh	: Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Cởi bỏ tất cả áo quần nhiễm bẩn hóa chất ngay lập tức và xử lý an toàn. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Đề xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.
-----------------------	--

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: không màu
Mùi đặc trưng	: giống este
Độ pH	: Là 1 chất hoặc 1 hỗn hợp không phân cực hoặc lưỡng cực
Điểm/ khoảng nóng chảy	: chưa được xác định
Điểm sôi/khoảng sôi	: 114 - 185 °C Phương pháp: được tính toán
Điểm cháy	: 23 °C Phương pháp: ISO 3679
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Chất lỏng và hơi dễ cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa được xác định
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: > 35 g/m3
Áp suất hóa hơi	: 12.0000 hPa (20 °C) Phương pháp: khác (được tính toán) chưa được xác định
Tỷ trọng hơi tương đối	: Nặng hơn không khí.
Khối lượng riêng	: 0.875 g/cm3 (20 °C)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	: chưa được xác định
Hệ số phân tán: n-	: không áp dụng đối với hỗn hợp chất

BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

octanol/nước	
Nhiệt độ tự bốc cháy	: > 200 °C
Nhiệt độ phân hủy	: Không phân hủy nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.
Độ nhớt	
Độ nhớt, động học	: 6.0 mm2/s (23 °C)
	chưa được xác định
Thời gian chảy	: < 30 s (23 °C)
	Mặt cắt ngang: 3 mm
	Phương pháp: ISO 2431
Đặc tính cháy nổ	: Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Các chất tự gia nhiệt	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là có tính chất tự sinh nhiệt.
Tốc độ ăn mòn kim loại	: Không gây ăn mòn kim loại.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Hơi có thể hình thành hỗn hợp dễ cháy với khí.
Các điều kiện cần tránh	: Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Bảo vệ khỏi sương giá. Nhiệt, lửa và tia lửa. Nhiệt
Vật liệu không tương thích	: Không để gần các chất oxy hóa, chất kiềm mạnh và axit mạnh để tránh các phản ứng tỏa nhiệt.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường : Ước lượng độc tính cấp: > 5,000 mg/kg
miệng Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: > 40 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: hơi
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da nhẹ.

Thành phần:**n-Butyl acetate:**

Kết quả : Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Tác nhân gây ung thư

Nghỉ ngờ gây ung thư.

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

STOT - Tiếp xúc một lần

Có thể gây kích ứng hô hấp.
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương, Hệ thính giác) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

n-Butyl acetate:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Pow: 200 (25 °C) log Pow: 2.3 (25 °C) Độ pH: 7 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117 GLP: có
--------------------------------	---	---

Solvent naphtha (petroleum), light arom.:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: 3.17 GLP: không
--------------------------------	---	-----------------------------

xylene:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: 3.12 - 3.20 (25 °C) GLP: không Ghi chú: Thông tin lấy từ các tài liệu và công việc liên quan.
--------------------------------	---	--

4-methylpentan-2-one:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Pow: 79 (20 °C) log Pow: 1.9 (20 °C) Độ pH: 6.7 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117 GLP: không
--------------------------------	---	---

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

Propanoic acid, 3-ethoxy-, ethyl ester:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: 1.08
		log Pow: 1.47
		Độ pH: 6.3
		Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
		GLP: có

ethylbenzene:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Pow: 4,170 (20 °C)
		log Pow: 3.6 (20 °C)
		Độ pH: 7.8
		GLP: có

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	:	Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.
Bao bì nhiễm độc	:	Các container không được dọn sạch đúng cách phải được xử lý theo Chỉ thị 2008/98 / EC Bao bì không được mở gói đúng cách phải được xử lý là sản phẩm chưa sử dụng

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn An Toàn: 0000000000504123 73	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
------------------	--	---	---

Số hiệu UN : UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp : PAINT RELATED MATERIAL
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3
Nguy hại với môi trường : không

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp : PAINT RELATED MATERIAL
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 366
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 355

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp : PAINT RELATED MATERIAL
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3
Mã EmS : F-E, S-E
Chất ô nhiễm đại dương : không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	2025/03/03	000000000050412373	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/03/03 gần nhất

Thông tin khác

Các thông tin khác : Đối với các hệ thống nhiều bao bì tuân theo bảng dữ liệu an toàn nguyên liệu của các thành phần.
Yêu cầu người sử dụng có kiến thức và chuyên môn về hóa chất.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH BEI : ACGIH - Các chỉ số phơi nhiễm sinh học (BEI)
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL : giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn

**BC 020 5L DIAMONT
NORMAL THINNER # R2**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/26
2.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/06/24
	2025/03/03	0000000000504123	
		73	

VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL : Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI